TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ N** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **103**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23/10/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị H
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Lê Thị H
Ông Lê Văn L
- *Thư ký phiên toà*: Bà Đặng Thị Hồng T - Thư ký Toà án, Toà án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hoà.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa*: Bà Phan Thị Mỹ N - Kiểm sát viên.

Ngày 23/10/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 338/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2018/HPT-ST ngày 03/10/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn K - sinh năm 1985
Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.
- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Ngọc H – sinh năm 1986
Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn ông Nguyễn K trình bày:

Ông và bà Trần Thị Ngọc H kết hôn năm 2007 tại UBND xã T (nay là phường T) được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 04/01/2007. Vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2015 vì bất đồng quan điểm, cứ mỗi lần cãi nhau là bà H bỏ nhà đi lên Đăk Lăk ở , từ đó ông và bà H không còn thường xuyên sống chung với nhau nữa. Nay ông không còn tình cảm với bà H nữa nên yêu cầu được ly hôn bà H.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N – sinh ngày 13/10/2005 và Nguyễn Quốc L – sinh ngày 01/4/2009, ông yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

2. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà Trần Thị Ngọc H vắng mặt nên không có lời khai.

3. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của ông Nguyễn K tại phiên tòa thể hiện: Ông K Kín và bà Trần Thị Ngọc H kết hôn năm 2007 tại UBND xã T được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 04/01/2007. Vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2015 vì bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, hiện tại ông bà không còn sống chung với nhau nữa. Tòa án đã nhiều lần triệu tập để hòa giải và xét xử nhưng bà H vắng mặt không có lý do chứng tỏ bà H không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân giữa bà và ông K. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông K và bà H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông K. Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N – sinh ngày 13/10/2005 và Nguyễn Quốc L – sinh ngày 01/4/2009, ông K yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu N và cháu L có nguyện vọng ở với cha và hiện tại ông K đang nuôi dưỡng nên đề nghị giao cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng. Tài sản chung: Ông K không yêu cầu giải quyết. Ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Toà án nhận định:

1. Về tố tụng: Xét thấy bị đơn bà Trần Thị Ngọc H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Tại phiên tòa ông Nguyễn K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn K và bà Trần Thị Ngọc H kết hôn năm 2007 tại UBND xã T (nay là phường T) được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 04/01/2007. Hội đồng xét xử công nhận đây là hôn nhân hợp pháp.

Ông Nguyễn K yêu cầu ly hôn vì cho rằng từ năm 2015, ông bà thường xuyên mâu thuẫn, mỗi lần cãi nhau bà H bỏ lên Đăk Lăk ở, thỉnh thoảng về thăm con. Hiện

tại ông và bà H không sống chung với nhau. Theo biên bản xác minh ngày 05/7/2018 thể hiện, ông K và bà H xảy ra mâu thuẫn khoảng từ năm 2016 – 2017 thì bà H bỏ nhà đi nơi khác làm ăn, thỉnh thoảng về thăm con. Ông K và bà H không thường xuyên sống chung kể từ khi mâu thuẫn xảy ra. Toà án đã triệu tập bà H để hòa giải và mở phiên toà xét xử nhưng bà H vắng mặt không có lý do, chứng tỏ bà H không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân giữa bà và ông K.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông Nguyễn K và bà Trần Thị Ngọc H đã không còn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn giữa ông K và bà H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông K.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N – sinh ngày 13/10/2005 và Nguyễn Quốc L – sinh ngày 01/4/2009, ông yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu N và cháu L có nguyện vọng ở với cha và hiện tại ông K đang trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giao 02 con chung cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho các cháu.

- Về tài sản chung: Ông K không yêu cầu giải quyết. Tách yêu cầu chia tài sản chung của bà H thành vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Ông Nguyễn K phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH2014 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn K.

1. Ông Nguyễn Kín được ly hôn bà Trần Thị Ngọc H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N – sinh ngày 13/10/2005 và Nguyễn Quốc L – sinh ngày 01/4/2009 cho ông Nguyễn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông K không yêu cầu bà Hậu cấp dưỡng nuôi con. Bà H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của các con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi xét thấy cần thiết.

3. Về tài sản chung: Ông K không yêu cầu giải quyết. Tách yêu cầu chia tài sản chung của bà H thành vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Ông Nguyễn K phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003970 ngày 18/6/2018 của chi cục Thi hành án dân sự thị xã N; ông K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hướng